

Bản án số: 230/2020/DS-PT

Ngày: 15-7-2020

Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1179/2020/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim X, sinh năm 1936; Địa chỉ cư trú: 4xx Quốc lộ 1, Phường x, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Bà Trần Kim X: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: 1xx C, Phường x, thành phố T, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền số 20/2020 quyền số 01/2020-SCT/CK ngày 21/01/2020 tại UBND Phường 7, thành phố Tân An, có mặt).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Vĩnh M, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: 4xx Quốc lộ x, Phường x, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Nhân Đ, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: 2xx H, Phường x, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Bà Đoàn Thị Phương N, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: 2xx ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Ông Đoàn Tuấn H, sinh năm 1973;

4. Ông Đoàn Tuấn P, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ cư trú: 3xx/1 ấp x, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Đoàn Nhân Đ, Đoàn Thị Phương N, Đoàn Tuấn H, Đoàn Tuấn P: Bà Đoàn Thị Vĩnh M (Giấy ủy quyền ngày 13/4/2018, có mặt).

5. Bà Đoàn Thị Lệ T, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: 5637 H, H OH 45424, USA (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Kim X, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Kim X do ông Nguyễn Minh C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1970, gia đình bà Trần Kim X và gia đình mẹ chồng bà X là bà Huỳnh Thị D đến Long An sinh sống và có thuê nhà của bà Nguyễn Thị N để ở. Đến năm 1971-1972 thì góp tiền mua được một phần đất của bà Nguyễn Thị N. Khi mua thì mua đất ao trũng và mua làm nhiều lần đối với mỗi khu đất. Khi mua thì không lập giấy tờ gì, mỗi lần mua thì gia đình trả tiền nhiều lần, chỉ nhớ có trả tiền một lần được 34.000 đồng và một lần mua ao phía sau với giá 80.000 đồng, khi trả tiền thì chỉ có bà Nguyễn Thị N và bà Huỳnh Thị D biết.

Gia đình thỏa thuận miệng giao cho ông Đoàn Văn T (chết năm 2000 - là em chồng bà X) đứng tên cầm chủ quyền đất mẫu bìa trắng năm 1992 do UBND tỉnh Long An cấp vì ông Đoàn Văn T cùng sống chung trên phần đất này. Sau đó, đến khoảng năm 1995, bà Huỳnh Thị D và ông Đoàn Văn T phân chia phần đất trên làm 3 phần: cho ông Đoàn Văn T, bà L (con bà X) và ông C. Ông C đã bán một phần được chia cho ông T1 (ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nên chỉ còn lại phần đất hiện nay bà M đang sinh sống có diện tích 50m². Ông Đoàn Văn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà X được chia phần đất hiện nay có diện tích 222,1m², thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 2-25a, tại Phường X, thành phố T, tỉnh Long An. Khi chia có cắm mốc ranh giới đầy đủ.

Gia đình bà X đã trực tiếp sử dụng phần đất này ổn định không tranh chấp hơn 40 năm và có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước đầy đủ. Trên phần đất này trước đây đã có nhà 3 gian của bà Nguyễn Thị N, sau đó do nhà bị hư hỏng nên gia đình đã xây nhà kiên cố kết cấu tường, cột bê tông và có trồng cây ăn trái, do đã lâu nên không nhớ xây lại nhà vào năm nào.

Đến năm 1995, bà Nguyễn Thị Lệ H nộp đơn tranh chấp phần đất này với bà X nhưng không có cơ sở nên bà Nguyễn Thị Lệ H đã rút đơn kiện và trả đất lại cho bà X. Sau đó, bà Nguyễn Thị Lệ H chết thì các con bà Nguyễn Thị Lệ H

đã ủy quyền lại cho người con út là Đoàn Thị Vĩnh M kiện tranh chấp đất với bà X nhưng cũng đã rút đơn kiện. Năm 1997, bà X và ông Đoàn Văn T có kê khai đăng ký cấp giấy theo chủ trương của nhà nước nhưng không biết vì sao bà X lại không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 15/08/2003 bà X đã đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 222,1m² nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 2011 thì bà M cố tình xây dựng nhà lấn chiếm đất của bà với diện tích 50m² nên bà X có làm đơn khiếu nại đến UBND Phường 4, thành phố Tân An yêu cầu tháo dỡ phần nhà xây dựng lấn chiếm nhưng bà M không đồng ý.

Nay bà X khởi kiện yêu cầu Bà Đoàn Thị Vĩnh M tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc và trả lại quyền sử dụng đất thuộc khu C theo mảnh trích đo địa chính số 78-2017 được Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 11/12/2017, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 15/12/2017 có diện tích đo đạc thực tế là 87m², thuộc một phần thửa số 62, tờ bản đồ số 2-25a, tại Phường x, thành phố T, tỉnh Long An. Trường hợp bà M muốn tiếp tục sử dụng phần đất đã xây dựng với diện tích 50m² thì phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường, đối với phần diện tích 37m² bà M không xây dựng thì bà X yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất.

Bà X không đồng ý với yêu cầu của bà M về việc tiếp tục được sử dụng đất và hoàn lại tiền thuế mà bà X đã nộp từ trước đến nay.

Bị đơn bà Đoàn Thị Vĩnh M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Nhân Đ, bà Đoàn Thị Phương N, ông Đoàn Tuấn H, ông Đoàn Tuấn P trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của mẹ bà là bà Nguyễn Thị Lệ H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N vào ngày 15/8/1972, có lập giấy tay và có xác nhận của Ủy ban hành chính xã Bình Lập ngày 15/8/1972. Trong nội dung giấy bán nhà mặc dù không thể hiện diện tích là bao nhiêu, chỉ ghi bán một cái nhà tọa lạc tại liên gia 10, số 5 ấp B, xã B, Long An, nhưng có ghi tứ phía giáp Quốc lộ số 4 cũ (nay là Quốc lộ 1), giáp trường học, nhà ông Thanh và lộ đất đỏ. Các bên đã nhận đủ tiền và giao nhà đất cho bà Nguyễn Thị Lệ H toàn quyền sử dụng. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Nguyễn Thị Lệ H quản lý sử dụng từ năm 1972 đến năm 2001 bà Nguyễn Thị Lệ H chết thì bà Đoàn Thị Lệ T sử dụng, sau đó bà Đoàn Thị Lệ T đi nước ngoài thì giao lại cho bà M tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Do gia đình bà có nhà tại Phường 1, thị xã Tân An và đông con nên mua nhà đất trên để sau này các con lớn lên có chỗ ở. Đến khoảng năm 1974, thì bà nội của bà là bà Huỳnh Thị D, chú là ông Đoàn Văn T và thím tư là Trần Kim X từ Cà Mau chuyển lên Long An sống do không có chỗ ở nên cha bà là ông Đoàn Văn C có nói với bà Nguyễn Thị Lệ H để bà Huỳnh Thị D, bà X và ông Đoàn Văn T ở nhờ tại căn nhà nói trên, khi nào có chỗ ở thì chuyển đi và được bà Nguyễn Thị Lệ H đồng ý, do đó bà Huỳnh Thị D, bà X, ông Đoàn Văn T ở trong nhà của bà Nguyễn Thị Lệ H mua lại của bà Nguyễn Thị N.

Không có việc bà Huỳnh Thị D và ông Đoàn Văn T phân chia phần đất trên làm 3 phần cho ông Đoàn Văn T, bà X và ông Đoàn Văn C vì nhà đất này là của bà Nguyễn Thị Lệ H mua của bà Nguyễn Thị N. Trước đây, khi cha mẹ bà còn sống đã khởi kiện ông Đoàn Văn T, bà X, nhưng sau khi cha mẹ bà chết, do là bà con nên bà đồng ý để cho ông Đoàn Văn T tiếp tục sử dụng đất không tranh chấp nữa và ông Đoàn Văn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1993, bà X có sửa chữa nhà do căn nhà bị hư hỏng thì bà Nguyễn Thị Lệ H có ngăn cản, yêu cầu trả lại đất đồng thời có báo lên chính quyền địa phương và các cấp có thẩm quyền lập biên bản đối với bà X. Năm 1994, bà Nguyễn Thị Lệ H có nộp đơn đến UBND Phường 4 làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND phường 4 hướng dẫn làm bản giải trình vì trong giấy mua đất không ghi diện tích. Tuy nhiên, sau khi nộp bản giải trình thì cha bà là ông Đoàn Văn C bị bệnh nặng nên không thể làm thủ tục. Đến năm 2001 thì mẹ bà là bà Nguyễn Thị Lệ H chết, vì vậy đến nay gia đình bà vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà xác định phần diện tích bà đã xây dựng nhà hiện nay nằm trên phần đất mà trước đây bà Nguyễn Thị Lệ H đã mua của bà Nguyễn Thị N và hiện nay một phần của bức tường nhà cũ của bà Nguyễn Thị N trước đây vẫn sử dụng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà X thì bà không đồng ý. Bà có ý kiến như sau: Do là bà con với nhau nên phần đất của bà X đang sử dụng thì để bà X tiếp tục sử dụng như hiện nay, còn phần đất mà bà đang sử dụng thì giữ nguyên hiện trạng sử dụng như hiện nay.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Các đương sự thống nhất với mảnh trích đo số 78-2017 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 11/12/2017 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 15/12/2017, mảnh trích đo địa chính (phân khu) ngày 08/11/2018 của công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú, Chứng thư thẩm định giá số 3719.2018.VT.HS ngày 14/11/2018, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 37, 39, 34, 41, 147, 157, 165, 227, 228, 447, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 197, 198, 199 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 99, 100, 101, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Kim X đối với bà Đoàn Thị Vĩnh M về việc yêu cầu bà M phải trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 87m² thuộc phần thửa số 62, tờ bản đồ số 2-25a, tại Phường x, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo vẽ, chi phí thẩm định giá, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/10/2019, bà Trần Kim X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, không rút yêu cầu kháng cáo; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X. Bà Đoàn Thị Vĩnh M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận các đương sự trình bày như sau:

Ông Nguyễn Minh C trình bày: Phần đất tranh chấp là của mẹ chồng bà Trần Kim X là cụ Huỳnh Thị D mua của bà Nguyễn Thị N từ năm 1970 và cả gia đình sử dụng chung. Năm 1995, cụ D chia làm 3 phần cho bà Trần Tuyết L (cháu nội), ông Đoàn Văn T và ông Đoàn Văn C (cha của bà Đoàn Thị Vĩnh M). Bà X đã sử dụng đất ổn định trên 30 năm, có đóng thuế sử dụng đất đầy đủ, do đó phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà X.

Bà Đoàn Thị Vĩnh M trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do mẹ bà là bà Nguyễn Thị Lệ H mua của bà Nguyễn Thị N vào ngày 15/8/1972, có làm giấy tờ, có xác nhận của chính quyền chế độ cũ. Gia đình bà cho gia đình bà X ở nhờ trên phần đất này. Việc ông Đoàn Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy trắng) vào năm 1972 là cấp cho một diện tích đất khác, không thuộc phần đất đang tranh chấp. Gia đình bà sử dụng ổn định từ đó đến nay. Bà yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1/ Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Trần Kim X làm trong thời hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

2/ Về nội dung kháng cáo: Các đương sự cùng xác định chỉ tranh chấp 87m² đất, thuộc một phần thửa số 62, tờ bản đồ số 2-25a, tọa lạc tại Phường x, thành phố T, tỉnh Long An, trên đất có 02 căn nhà của bị đơn xây dựng vào năm 1992, 1993; không tranh chấp các diện tích đất khác. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Lệ H (mẹ bị đơn) mua của bà Nguyễn Thị N vào năm 1972. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà X là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ mới, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Kim X làm trong hạn luật định, bà X là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên đơn kháng cáo của bà X đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về việc xác định đối tượng tranh chấp: Các đương sự cùng xác định chỉ tranh chấp 87m² đất, thuộc một phần thửa số 62, tờ bản đồ số 2-25a, tọa lạc tại Phường x, thành phố T, tỉnh Long An, tức khu đất có ký hiệu C, theo Mảnh trích đo địa chính số 78-2017 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 11/12/2017, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 15/12/2017.

[2.2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp:

Ông H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, phần đất tranh chấp do gia đình bà X và mẹ chồng của bà X là cụ Huỳnh Thị D thuê và sau đó cùng gom tiền, mua lại của bà Nguyễn Thị N vào năm 1970 - 1971, việc mua bán không làm giấy tờ. Do là cùng là người trong nhà nên để cho ông Đoàn Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992 (giấy trắng). Năm 1995, cụ D chia lại làm 03 phần cho bà Trần Tuyết L (cháu nội), ông Đoàn Văn T và ông Đoàn Văn C (cha bà M). Ngược lại, bà M cho rằng phần đất tranh chấp là của mẹ bà là Nguyễn Thị Lệ H mua nhà đất của bà Nguyễn Thị N vào ngày 15/8/1972 và cho bà nội của bà là cụ D và chú thím của bà là bà X, ông Đoàn Văn T ở nhờ vào khoảng năm 1974.

Xét thấy, ngoài lời trình bày ra, bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó, bà M có xuất trình “Giấy bán nhà” lập ngày 15/8/1972, giữa bà Nguyễn Thị Lệ H và bà Nguyễn Thị N, có xác nhận của Ủy ban hành chính xã Bình Lập. Nội dung giấy bán nhà này mặc dù không thể hiện diện tích, nhưng có ghi tứ cận cụ thể của căn nhà là giáp Quốc lộ số 4 cũ (nay là Quốc lộ 1), giáp trường học, nhà ông Thanh và lộ đất đỏ. Điều này cũng phù hợp với “Tờ tường trình” của bà Nguyễn Thị Lệ H lập ngày 22/3/1994, có xác nhận của UBND Phường 4, thị xã Tân An ngày 23/3/1994, rằng ngày 15/8/1972, bà Nguyễn Thị Lệ H có mua nhà, đất của bà Nguyễn Thị N tại ấp B, xã B, tỉnh Long An, nay có diện tích tổng thể là 682m², có tứ cận phía Đông giáp đất ông Tám Thanh, phía Bắc giáp lộ đất đỏ vào ấp Bình Quân, phía Tây giáp Quốc lộ 1, phía Nam giáp đất ông Tuấn Trái; đồng thời cũng phù hợp với Công văn số 221/CV-TNMT ngày 14/3/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Tân An, rằng các thửa đất số 309, 309A, 434, tờ bản đồ số 2 được cấp cho ông Đoàn Văn T (giấy trắng) không thuộc phần đất mà các đương sự đang tranh chấp.

Do đó, có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Lệ H, mua của bà Nguyễn Thị N vào năm 1972 và sử dụng ổn định cho đến nay.

[2.3] Về “Tờ di chúc đất thổ cư cho con và cháu nội” do cụ Huỳnh Thị D lập ngày 6/4/1995, có xác nhận của UBND Phường 4, thị xã Tân An ngày 07/4/1995, xét thấy: Như đã nhận định ở phần trên, không có cơ sở xác định cụ D, bà X mua đất của bà Nguyễn Thị N và tại thời điểm lập di chúc cụ D chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên cụ D không có quyền định đoạt đối với phần đất được nêu trong di chúc.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ nào mới, do đó kháng cáo của bà X là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà X là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bởi những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DSST ngày 17/10/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 37, 39, 34, 41, 147, 157, 165, 227, 228, 447, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 197, 198, 199 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 99, 100, 101, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Kim X, về việc yêu cầu bà Đoàn Thị Vĩnh M, phải trả lại phần đất có diện tích 87m², thuộc một phần thửa số 62, tờ bản đồ số 2-25a, toạ lạc tại Phường x, thành phố T, tỉnh Long An (khu đất có ký hiệu C, theo Mảnh trích đo địa chính số 78-2017 do Công ty

TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 11/12/2017, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 15/12/2017).

[2] Các đương sự có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Kim X.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự (7);
- Lưu(3), 17b (Án HQ).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Văn Khoa